| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠNH PHÚ**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 51/2024/DS-ST
Ngày: 19-4-2024
*V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Hiện

Ông Lê Khắc Hiệp

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 392/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 3 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1967. Nơi cư trú: số H, ấp A, xã A, huyện T tỉnh Bến Tre.

*Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Bà Châu Thị T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: số A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: số A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại đơn xin xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên ông Nguyễn Ngọc V có trình bày:*

Ngày 19/9/2018 bà Trần Thị N có cho vợ chồng bà Châu Thị T (còn gọi là Nhanh E) và ông Đặng Văn T1 vay số tiền 170.000.000 triệu đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) lãi suất hai bên tự thoả thuận, thời gian vay 01 tháng kể từ ngày ký giấy nhận tiền. Mục đích vay để lo kinh tế gia đình, cụ thể để đóng ghe và trả công thợ, phương thức thanh toán trả lãi hàng tháng và trả gốc khi đến hạn nhưng bà T và ông T1 không thực hiện. Nhiều lần bà N yêu cầu bà T, ông T1 phải trả số tiền vay cho bà nhưng bà T và ông T1 không trả. Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh E) và ông Đặng Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền vay là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh Em) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có bản khai với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có bản khai với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 357, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh E và ông Đặng Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Trần Thị N vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" bị đơn bà Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh E) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T1 có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh E) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do. Tòa án xử xét xử vắng mặt ông V, bà T và ông T1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chính giấy có nội dung *"19/9 2018 Nhanh có mượn chị S Nhớ 170 tr một trăm bảy mươi triệu Nhanh Em".* Xét việc thỏa thuận vay tiền giữa bà Trần Thị N với bà Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh Em) không được lập thành văn bản nhưng có giấy mượn tiền ghi tên người mượn và số tiền mượn, việc thỏa thuận vay tiền giữa bà N và bà T (tên gọi khác Nhanh E) được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các nội dung nên được xem hợp pháp.

[3] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh E) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại biên bản xác minh ngày 05/02/2024 Công an xã A cho biết bà Châu Thị T và ông Đặng Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà A ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, đang sinh sống và có mặt tại địa phương. Tại biên bản xác minh ngày 23/02/2024 Trưởng ấp A, xã A cho biết bà Châu Thị T và ông Đặng Văn T1 đang sinh sống và có mặt tại địa phương, bà Châu Thị T ở địa phương còn có tên gọi khác là "Nhanh Em", Tòa án đã giải thích về và nghĩa vụ của bà Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh E), ông Đặng Văn T1 và cho người nhà của bà T, ông T1 rõ. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh E), ông Đặng Văn T1 không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu buộc ông Đặng Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới với Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh E) trả 170.000.000 đồng vay cho bà Trần Thị N. Xét thấy mặc dù giấy có nội dung *"19/9 2018 Nhanh có mượn chị S Nhớ 170 tr một trăm bảy mươi triệu Nhanh Em".* Xét việc thỏa thuận vay tiền giữa bà Trần Thị N với bà Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh Em), không có chữ ký của ông Đặng Văn T1 nhưng tại văn bản số 327/UBND-KT ngày 15/12/202 của Ủy ban nhân dân xã A có nội dung: "Qua kiểm tra tàn thư sổ hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã A về trường hợp của Ông Đặng Văn T1 sinh năm 1981 và bà Châu Thị T, sinh năm 1979 cư trú tại ấp A, xã A huyện T, tỉnh Bến Tre không có đăng ký kết hôn nhưng có sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay. Hiện nay ông T1 và bà T vẫn còn sống chung với nhau". Như vậy cho thấy bà T (tên gọi khác Nhanh E) và ông T1 chung sống như vợ chồng, số tiền vay 170.000.000 đồng theo lời trình bày của nguyên đơn mục đích vay bà N vay là để lo kinh tế gia đình, cụ thể để đóng ghe và trả công thợ nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, khi vợ chồng tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu

của gia đình. Do bà Châu Thị T (tên gọi khác N), ông Đặng Văn T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng khoản 2 Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc bà T (tên gọi khác Nhanh Em), ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 170.000.000 đồng cho bà Trần Thị N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu lãi suất chậm trả.

[4] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N được chấp nhận nên Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh Em), ông Đặng Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, 92, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 357, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

Buộc bà Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh Em), ông Đặng Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng)

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị T (tên gọi khác Nhanh Em), ông Đặng Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 4.250.000 đồng (bốn triệu hai năm năm mươi ngàn đồng) cho bà Trần Thị N (do ông Nguyễn Ngọc V nộp thay) theo biên lai thu số 0000203 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

**3.** Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận*

*thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Đặng Văn Phương**